

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:135/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2026

"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con chung khi ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Dương  
2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa:* Ông Lữ Trường Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 192/2026/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 131/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 08 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28/08/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lang Thị T**, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1999

CCCD số: 040199019432 do **Bộ C** cấp ngày 07/05/2025.

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Tân An, (nay là xóm Quyết Thắng), xã Nghĩa Hưng, tỉnh Nghệ An; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 16/07/1991;

CCCD số: 040091009821

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Tân An, (nay là xóm Quyết Thắng), xã Nghĩa Hưng, tỉnh Nghệ An; (vắng mặt).

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1969;

CCCD số: 040169011888

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm Tân An (nay là xóm Quyết Thắng), xã Nghĩa Hưng, tỉnh Nghệ An; (có ý kiến xin xét xử **vắng mặt**)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Lang Thị T** trình bày:*

+ Về hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Văn Đ** kết hôn vào ngày **19/4/2017**, đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là xã N tỉnh Nghệ An)**; hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó do anh **Đ** thay đổi tính nết, hay đánh đập chị **T** vô cớ, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay, không thể đoàn tụ, nên chị có nguyện vọng được Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Văn Đ**.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Nguyễn Tấn P**, sinh ngày 04/03/2021; **Nguyễn Lâm A**, sinh ngày 09/04/2024; không nuôi con nuôi, không ai có con riêng; chị **T** xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một con chung là **Nguyễn Lâm A**, sinh ngày 09/04/2024, còn con chung là **Nguyễn Tấn P**, sinh ngày 04/03/2021 để cho anh **Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Tài liệu, chứng cứ chị tươi đã giao nộp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm:* Đơn xin ly hôn (bản gốc); Trích lục kết hôn (bản sao); Căn cước công dân (bản sao công chứng); Xác nhận thông tin về cư trú (02 Bản chính); Giấy khai sinh các con (Bản sao); Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ban cán sự **xóm T, xã N, tỉnh Nghệ An** nơi anh **Đ**, chị **T** cư trú đã xác định: Anh **Đ**, chị **T** là công dân của xóm, hiện tại không có mặt tại địa phương, địa chỉ cụ thể thì BCS xóm không biết. Tuy nhiên Anh **Đ**, chị **T** thường xuyên về nhà thăm gia đình, con cái; nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không biết. Chị **T** và anh **Đ** có hai con chung, Quá trình chăm sóc con chung khi chị **T**, anh **Đ** có mặt tại địa phương thì không có hành vi bạo lực với con; hiện tại hai con chung của chị **T** và anh **Đ** đang sống cùng bà **Lê Thị T1** (mẹ của anh **Đ**).

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh **Đ** biết nội dung chị **T** yêu cầu giải quyết ly hôn với anh thông qua bà **Lê Thị T1** (mẹ của anh **Đ**), mạng xã hội là Zalo, đồng thời tổng đạt và niêm yết các tài liệu, giấy triệu tập cho anh **Đ** theo quy định, nhưng anh **Đ** không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và có gửi tin nhắn qua Zalo đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ngày 12/8/2026 Tòa án đã tiến hành xác minh, làm việc với bà **Lê Thị T1** (mẹ đẻ anh **Đ**), bà **T1** đã có ý kiến như sau: Bà là mẹ đẻ của anh **Đ**, hiện tại cả anh **Đ** và chị **T** đều nằm trong nhân khẩu của gia đình bà. Sau khi **T** và **Đ** kết hôn về sống chung với bà tại **xóm T (nay là xóm Q), xã N, tỉnh Nghệ An**, sau đó **T** đi làm ăn ở **V**, còn **Đ** thì ở Bắc Ninh nên nguyên nhân mâu thuẫn giữa **Đ** và **T** thì bà không biết; từ lâu cả **Đ** và **T** không về nhà cùng nhau. Về con chung thì **Đ** và **T** có hai con chung, hiện tại đang ở do bà chăm sóc, thỉnh thoảng **Đ** và **T** cũng về thăm con và gửi tiền cho bà chăm sóc và chi phí sinh hoạt cho các con; nay **T** và **Đ** ly hôn bà không yêu cầu gì từ **Đ** và **T** về công sức chăm sóc các cháu; về nội dung Tươi có nguyện vọng được ly hôn với **Đ** thì bà đã gửi thông báo và giấy triệu tập của Tòa án cho **Đ** biết; **Đ** thông báo lại với bà là không về được nên việc ly hôn do Tòa án quyết định; **Đ** có nguyện vọng được nuôi một con chung là cháu **A P**; về tài sản thì không yêu cầu gì; **Đ** đang đi làm Công ty thu nhập ổn định từ tám đến mười triệu đồng đủ các điều kiện để nuôi con.

*Các tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An thu thập gồm:* Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân; người đang trực tiếp nuôi con, nguyên nhân tranh chấp tại địa phương đối với chị **T** và anh **Đ**; xác minh về việc anh **Đ** vắng mặt tại địa phương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 73 - BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

***Về nội dung:***

Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị :

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Lang Thị T**. Cho chị **Lang Thị T** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn Đ**.

Về con chung: Giao cho chị **Lang Thị T** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung của chị **T**, anh **Đ** là **Nguyễn Lâm A**, sinh ngày 09/04/2024 cho đến lúc con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi;

Giao cho anh **Nguyễn Văn Đ** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung của chị **T**, anh **Đ** là **Nguyễn Tấn P**, sinh ngày 04/03/2021 cho đến lúc con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi;

Anh **Đ**, chị **T** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

- Về án phí: Buộc chị **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị **Lang Thị T** yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh **Nguyễn Văn Đ**; anh **Đ** hiện đang ký thường trú tại **xóm Q** (trước đây là **xóm T**), xã N, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

Nguyên đơn chị **Lang Thị T** đã có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị T1** đã có ý kiến xin vắng mặt; bị đơn anh **Nguyễn Văn Đ** đã được Toà án triệu tập đến phiên toà hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ các Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung*:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị **T** và anh **Đ** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn nên hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị **T** nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh **Đ** thay đổi tính nết, hay đánh đập chị **T** vô cớ, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn không có tiếng nói chung, đã sống ly thân từ lâu nên chị có nguyện vọng được Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Đ**. Đối với anh **Đ** đã thông tin qua bà **T1** (mẹ anh **Đ**) đề nghị Tòa án quyết định và không có các biện pháp để vợ chồng đoàn tụ, nên đủ cơ sở để xác định được chị **T** và anh **Đ** có mâu thuẫn, đã sống ly thân,

hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **T** được ly hôn với anh **Đ** như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An là có căn cứ.

[2.2]. *Về nuôi con chung*: Chị **T** có nguyện vọng được nuôi một con chung và không yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng. Quá trình Toà án thu thập chứng cứ đã xác định được hai con chung đang ở với mẹ anh **Đ** và anh **Đ** cũng có nguyện vọng được nuôi một con chung. Để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, quyền và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên cần giao cho chị **T**, anh **Đ** mỗi người được quyền trực tiếp nuôi một con chung cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi trưởng thành theo quy định tại các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Nghệ An là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Các bên không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.4]. *Về chia tài sản*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[2.5]. *Về án phí*: Buộc chị **Lang Thị T** phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị **Lang Thị T**; cho chị **Lang Thị T** được ly hôn anh **Nguyễn Văn Đ**.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao cho chị **Lang Thị T** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung của chị **T**, anh **Đ** là **Nguyễn Lâm A**, sinh ngày 09/04/2024 cho đến lúc con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi;

Giao cho anh **Nguyễn Văn Đ** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung của chị **T**, anh **Đ** là **Nguyễn Tấn P**, sinh ngày 04/03/2021 cho đến lúc con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi;

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T**, anh **Đ** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Chị **T**, anh **Đ** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

2.4. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Chị **T**, anh **Đ** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị **Lang Thị T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị **T** đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003377 ngày 08/05/2026, tại Thi hành án **dân tỉnh N** (chị **T** đã nộp đủ tiền án phí).

Các đương sự đều vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Hưng, tỉnh Nghệ An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngoan**



